

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2020/HS-ST**
Ngày 30/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà H Bliăk Niê.

Ông Nguyễn Nữ Ước.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại phòng xử án A, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Quốc T** (Tên gọi khác: Không), Sinh ngày: 06/9/1990, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đ; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; họ tên cha: Không xác định; có mẹ là: Trần Thị T, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay – *Có mặt*.

Nhân thân:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2011/HSST ngày 22/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt 09 (chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2012/HSST ngày 22/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (Tên gọi khác: S), Sinh ngày: 31/12/1999, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đ; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ

học vấn: 0/12; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967 (đã chết); và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không.

Tiền sự: Có 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPVPHC ngày 07/8/2019 của Công an xã E, huyện C, tỉnh Đ về hành vi trộm cắp tài sản; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay – *Có mặt*.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo* Th: Ông Ngô Đình Khôi - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk - *Có đơn xin vắng mặt*.

* *Người bị hại*:

- Bà H R Bdap, sinh năm 1983 và ông Y M Knul sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

- Ông Phan Thanh B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

(*Đều có đơn xin vắng mặt*)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Buôn E , xã E, huyện C, tỉnh Đ- *Có mặt*.

* *Người làm chứng*:

- Ông Nguyễn Thê B, sinh năm 1979.

- Ông Ngô Đức L, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Buôn E , xã E, huyện C, tỉnh Đ - *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 12/7/2020, Lê Quốc T, đi bộ từ nhà đến khu vực hồ Y Bí, thuộc buôn Ea Khít, xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin để tìm củi. Khi đi đến rẫy nhà bà H R Bdap, tại buôn Ea Khít, xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin thì Túy phát hiện có 01 máy nổ số Model: S1100AN, 165kg và 01 guồng bơm nhãn hiệu "Thanh Sang" đang để ở rẫy, giáp với bờ hồ Y Bí không ai trông coi, nên T nảy sinh ý định lấy trộm về bán lấy tiền tiêu xài, nhưng thời điểm lúc này là ban ngày và tài sản nặng nên T đi về nhà chờ đến khi trời tối sẽ rủ thêm người cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, Lê Quốc T đến nhà Nguyễn Văn T rủ "Tối nay đi lấy trộm đầu máy nổ ở hồ Y Bí về bán lấy tiền xài?", Th đồng ý và nói "Ừ, vậy tối hai anh em mình đi". Sau đó, T và Th đến nhà bạn tên Trường ở xã Ea

Ning, huyện Cư Kuin uống rượu. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày thì nghỉ, T và Th đi về, trên đường về T nói với Th: “Giờ về đi luôn hè (ý nói đi trộm cắp tài sản)”, Th hiểu ý và trả lời “Ừ”. Sau đó, T và Th về nhà Th lấy một chiếc xe máy kéo có gắn rơ moóc phía sau (*không biển kiểm soát*) của bà Trần Thị T (mẹ T) do T và Th đi lấy củi về đã để ở đó từ trước và một cái đèn pin màu xanh - trắng, để làm công cụ, phương tiện đi trộm cắp tài sản. Th điều khiển xe máy kéo, chở T ngồi trên rơ moóc đi từ thôn 2, xã Ea Bhôk đến khu vực hồ Y Bí để trộm cắp tài sản. Khi đi qua rẫy nhà ông Phan Thanh B thì T và Th thấy ở cổng ra vào rẫy có lắp 01 cái cửa, làm bằng khung sắt, gắn lưới B40, gồm 03 cánh không có khóa mà chỉ khép vào trụ cổng. Th dừng xe lại và nói với T “lấy luôn đi”, rồi T và Th lại nhấc các cánh cửa này ra khỏi bản lề và đưa lên rơ moóc của xe máy kéo. Sau khi lấy trộm 03 cánh cửa xong, T và Th tiếp tục điều khiển xe đến rẫy nhà bà H R Bđap. Khi đến rẫy nhà bà H R, T và Th dừng xe ngoài đường, cách vị trí để máy nổ và guồng bơm khoảng 10m, rồi cả hai đi bộ lại vị trí để tài sản. Th dùng đèn pin chiếu sáng cho T gỡ ống nước nhựa ra khỏi guồng bơm, sau đó T và Th lấy 01 khúc gỗ, dài 2,04m, hình trụ tròn đường kính 13cm có sẵn trên rơ moóc xe máy kéo, rồi cho khúc gỗ này xuống phía dưới đế của máy nổ và guồng bơm để làm đòn lặn rồi cả hai kéo tài sản ra vị trí để xe máy kéo. Khi đưa được tài sản ra phía sau xe máy kéo thì T và Th khiêng tài sản để lên rơ moóc. Trong lúc T và Th đang đưa tài sản lên thùng rơ moóc thì bị ông Nguyễn Thế B và ông Ngô Đức L, phát hiện, bắt giữ cùng tang vật và báo cho Công an huyện Cư Kuin.

Theo Biên bản định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 21/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cư Kuin, kết luận: Tại thời điểm ngày 12/7/2020, giá trị của 01 máy nổ số Model: S1100AN, 165kg và 01 guồng bơm nhãn hiệu Thanh Sang là 2.700.000 đồng; giá trị của 01 cửa làm bằng khung sắt có gắn lưới B40, gồm 03 cánh, kích thước mỗi cánh (1,1 x 1,5)m là 1.980.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 4.680.000 đồng.

Cáo trạng số: 29/CT-VKS-HS ngày 16/11/2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố các bị cáo Lê Quốc T và Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng với diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát đã truy tố. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, đồng thời đề cập các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, đề nghị:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Quốc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Quốc T

mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu sử dụng là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Th gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo có nội dung: Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, tuy nhiên khi quyết định hình phạt đề nghị HĐXX xem xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, được bị hại làm đơn xin bãi nại, gia đình thuộc hộ nghèo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS vì vậy đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hơn nữa một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện viện kiểm sát tranh luận: Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo, nên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và mức hình phạt là đúng người đúng tội đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì và khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 20 giờ ngày 12/7/2020, tại thôn 6 và buôn Ea Khít, xã Ea Bó, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk Lê Quốc T và Nguyễn Văn T đã lén lút trộm cắp 01 máy nổ số Model: S1100AN, 165kg và 01 guồng bơm nhãn hiệu “Thanh Sang” của gia đình bà H R Bdap; 01 cửa làm bằng khung sắt gồm 03 cánh có gắn lưới B40, kích thước mỗi cánh (1,1 x 1,5)m của ông Phan Thanh B, với tổng giá trị tài sản là 4.680.000đồng nhằm mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị phát hiện bắt quả tang.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố các bị cáo Lê Quốc T và Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, được bị hại làm đơn bãi nại nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Riêng Bị cáo Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình thuộc hộ nghèo nên được áp dụng thêm điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản của ông Bình và bà H R Bdap. Trong đó, trị giá tài sản trộm cắp của ông Bình dưới 2.000.000đồng, vì vậy bị cáo T không thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần nhưng còn bị cáo Th đã có 01 tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa mà còn tiếp tục phạm tội, vì vậy bị cáo Th phải bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, có tiền sự về tội chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

Xét các bị cáo là đồng phạm giản đơn, không có sự chuẩn bị hay lên kế hoạch phạm tội cụ thể nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà cần xem xét đến nhân thân, vai trò mức độ thực hiện hành vi phạm tội của mỗi bị cáo khác nhau như, bị cáo T là người trực tiếp rủ rê, chủ động dùng phương tiện của gia đình để thực hiện hành vi phạm tội, còn bị cáo Th là người lái xe hỗ trợ tích cực cho bị cáo T để cùng thực hiện hành vi nên cần áp dụng mức hình phạt cho bị cáo T cao hơn bị cáo Th thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại 01 cửa gồm 03 cánh làm bằng khung sắt có gắn lưới B40 cho ông Phan Thanh B; 01 máy nổ số Model: S1100AN, 165kg và 01 giường

bơm nhãn hiệu “Thanh Sang” cho bà H R Bdap là các chủ sở hữu quản lý, sử dụng là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

[7] Nội dung khác: Đối với 01 chiếc xe máy kéo không biển kiểm soát, đầu máy kéo màu xanh, đen, loại ISAKI T62205 có gắn rơ moóc phía sau của bà Trần Thị T, do bà T không biết việc các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin không xử lý mà trả lại cho bà là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Th có gia đình thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Quốc T và Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Quốc T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại 01 cửa gồm 03 cánh làm bằng khung sắt có gắn lưới B40 cho ông Phan Thanh B; 01 máy nổ số Model: S1100AN, 165kg và 01 guồng bơm nhãn hiệu “Thanh Sang” cho bà H R Bdap; 01 chiếc xe máy kéo không biển kiểm soát, đầu máy kéo màu xanh, đen, loại ISAKI T62205 có gắn rơ moóc phía sau cho bà Trần Thị T là các chủ sở hữu quản lý, sử dụng là phù hợp.

4. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Quốc T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi tuyên án. Người bị

hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT Công an huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- Bị cáo, bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH